

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày 16 - 7 - 2021.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đoàn Thị Diệu

Ông Nguyễn Văn Chuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2021/ TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị N; sinh năm 2001; nơi cư trú: Xóm 19, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Công H; sinh năm 1999; nơi cư trú: Xóm N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là chị Đoàn Thị N trình bày:

Chị và anh Trần Công H có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ khi chị sinh con thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh H không còn yêu thương, quan tâm đến vợ con. Vợ chồng chị đã sống ly thân được 6 tháng nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Hoàng A, sinh ngày 08/8/2020. Hiện con chung đang ở cùng với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2021 ông Trần Văn Đ (bố đẻ của anh Trần Công H) trình bày:

Gia đình ông đã nhận được các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập của Tòa án về việc chị N có đơn xin ly hôn với anh H. Gia đình đã thông báo việc này cho anh H được biết. Anh H có nói với gia đình là anh không đồng ý ly hôn. Việc ly hôn là việc của chị N. Anh đang đi làm ăn xa nên không về được.

Về con chung, vợ chồng anh H, chị N có 01 con chung là Trần Hoàng A, sinh ngày 08/8/2020. Hiện con chung đang ở cùng với chị N.

Về tài sản chung, công nợ: Vợ chồng chị N, anh H mới cưới và từ khi cưới đều ở cùng với bố mẹ chồng nên không có tài sản chung, công nợ chung.

Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh H, quan điểm của gia đình là vẫn mong muốn vợ chồng anh H, chị N đoàn tụ. Nếu không hòa giải được thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, không có mặt tại phiên tòa là vi phạm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi bị đơn vắng mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị N, anh H mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đoàn Thị N. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Đoàn Thị N. Giao chị Đoàn Thị N trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Trần Hoàng A, sinh ngày

08/8/2020. Việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ 2 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ là đúng quy định tại Điều 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Đoàn Thị N và anh Trần Công H có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 11 năm 2019 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ khi chị N sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là anh H không quan tâm đến vợ con. Vợ chồng chị đã sống ly thân được 6 tháng đến nay không ai quan tâm đến ai.

Sau khi chị N có đơn khởi kiện xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện và nhiều lần triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh H được biết nhưng anh H cố tình vắng mặt không có lý do. Theo yêu cầu của chị N, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2021 ông Trần Văn Đ (bố đẻ của anh Trần Công H) trình bày: Gia đình ông đã nhận được các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập của Tòa án về việc chị N có đơn xin ly hôn với anh H. Gia đình đã thông báo việc này cho anh H được biết. Anh H có nói với gia đình là anh không đồng ý ly hôn. Việc ly hôn là việc của chị N. Anh đang đi làm ăn xa nên không về được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh H đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, chị N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nữa. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh H đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ với nhau được nữa nên việc chị N xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung:

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung HĐXX thấy: Vợ chồng anh H, chị N có 01 con chung là Trần Hoàng A, sinh ngày

08/8/2020. Hiện con chung đang ở cùng với chị N. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung dưới 36 tháng tuổi cần giao cho chị N trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của vợ chồng. Việc chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Anh H có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Đoàn Thị N và anh Trần Công H.

2. Về con chung: Giao chị Đoàn Thị N có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Trần Hoàng A, sinh ngày 08/8/2020. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hiện con chung đang ở cùng với chị N. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Đoàn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002396 ngày 26/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Chị Đoàn Thị N và anh Trần Công H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà